

Số: 92 /BC-UBND

Gia Lai, ngày 12 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Về tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2021

I. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) 6 tháng đầu năm 2021.

1. Về thu NSNN trên địa bàn (phụ lục 01 kèm theo).

Trong năm 2021, Trung ương giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Gia Lai 4.552,3 tỷ đồng, giảm 0,4% so với dự toán năm 2020. Dự toán được Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thông qua là 5.047 tỷ đồng, giảm 3% so với dự toán năm 2020.

Thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2021 là 3.571,3 tỷ đồng, đạt 78,5% dự toán Trung ương giao, đạt 70,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 74,2% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 6.246 tỷ đồng, đạt 137,2% dự toán Trung ương giao, đạt 123,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 36,3% so với cùng kỳ. Cụ thể:

1.1. Thu nội địa:

Thực hiện 6 tháng đầu năm là 2.699 tỷ đồng (bao gồm thu xổ số kiến thiết), đạt 59,4% dự toán Trung ương giao, đạt 53,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 31,9% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 5.246 tỷ đồng, đạt 115,5% dự toán Trung ương giao, đạt 104,2% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14,7% so với cùng kỳ.

Một số khoản thu đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao (11/15 khoản):

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Thực hiện 400,1 tỷ đồng, đạt 53,7% dự toán Trung ương giao, đạt 53,4% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân: Sản lượng phát điện của các công ty thủy điện lũy kế kỳ kê khai 6 tháng đầu năm 2021 đạt 3.284 triệu kWh, tăng 77% (số tuyệt đối tăng 1.428 triệu kWh) so với cùng kỳ, số thuế các công ty thủy điện đã nộp lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 tăng 80 tỷ đồng so với cùng kỳ. Một số doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sau quyết toán thuế trong 6 tháng đầu năm 2021 cao, như: Phát sinh thu nhập từ tiền hỗ trợ khi bàn giao đất cho đơn vị khác làm dự án nên Công ty cao su Mang Yang ước tăng 10 tỷ đồng so cùng kỳ; Công ty cao su Chư Prông tăng 3 tỷ đồng so cùng kỳ;...

Ước thực hiện cả năm 2021 là 775 tỷ đồng, đạt 104% dự toán Trung ương giao, đạt 103,3% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,2% so với cùng kỳ.

(2) Khoản thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: Thực hiện 27,4 tỷ đồng, đạt 63,7% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 10,7% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 46 tỷ đồng, đạt 107% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 2,3% so với cùng kỳ.

(3) Khoán thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài: Thực hiện 69,6 tỷ đồng, đạt 224,6% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 241% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài cung cấp, lắp ráp máy móc thiết bị cho nhà máy điện gió Yang Trung, huyện König Chro; dự án điện gió Cửu An, thị xã An Khê; điện gió Chu Prông và điện gió Ia Le 1, huyện Chu Puh, ước tăng 35 tỷ đồng so cùng kỳ (năm trước không phát sinh), gồm: China Energy Engineering Group Guangdong Electric Power Design Institute Co., Ltd - dự án Chợ Long nộp 6,4 tỷ đồng; Công ty China Energy Engineering Group Guangdong Electric Power Design Institute Co., Ltd nộp 13 tỷ đồng; Công ty China Nuclear Industry 23 Construction Co.,Ltd nộp 1,9 tỷ đồng; Công ty Sinohydro Corporation Limited nộp 12,3 tỷ đồng;....

Ước thực hiện cả năm 2021 là 79 tỷ đồng, đạt 254,8% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 97,6% so với cùng kỳ.

(4) Thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: Thực hiện 647,2 tỷ đồng, đạt 60,5% dự toán Trung ương giao, đạt 59,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 49,9% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân: Sản lượng phát điện các công ty thủy điện lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 đạt 284 triệu kWh, lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 đạt 365 triệu kWh, tăng 29% so với cùng kỳ, số thuế nộp tảng 30 tỷ đồng so cùng kỳ; Công ty cổ phần Sông Đà 505 nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tảng 12 tỷ đồng so với 6 tháng đầu năm 2020; một số đơn vị nộp thuế GTGT tảng so với cùng kỳ: Chi nhánh Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi - Nhà máy Đường An Khê tăng 6,4 tỷ đồng; chi nhánh Công ty cổ phần Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi - Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai tăng 23 tỷ đồng; Công ty cổ phần Điện Gia Lai tăng 19 tỷ đồng; hộ cá nhân kinh doanh nộp tảng 3 tỷ đồng so cùng kỳ (6 tháng 2020 nộp 55 tỷ đồng; 6 tháng 2021 nộp 58 tỷ đồng);....

Ước thực hiện cả năm 2021 là 1.125 tỷ đồng, đạt 105,1% dự toán Trung ương giao, đạt 103,7% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6,5% so với cùng kỳ.

(5) Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện là 129,4 tỷ đồng, đạt 64,7% dự toán Trung ương giao và đạt 55,5% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 44,9% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu tăng chuyển nhượng đất đai, xe máy (gồm: Lê phí trước bạ nhà đất thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 nộp 12,6 tỷ đồng, thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 nộp 16 tỷ đồng, tăng 3,6 tỷ đồng; lệ phí trước bạ ô tô, xe máy thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 nộp 76,7 tỷ đồng, thực hiện lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 nộp 100 tỷ đồng, tăng 23,3 tỷ đồng).

Ước thực hiện cả năm 2021 là 233 tỷ đồng, đạt 116,5% dự toán Trung ương giao, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 13,2% so với cùng kỳ.

(6) Thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 179,6 tỷ đồng, đạt 74,8% dự toán Trung ương giao và đạt 71,8% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 20,7% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu tăng từ thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng bất động sản.

Ước thực hiện cả năm 2021 là 270 tỷ đồng, đạt 112,5% dự toán Trung ương giao, đạt 108% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,8% so với cùng kỳ.

(7) Thuế bảo vệ môi trường: Thực hiện 393,3 tỷ đồng, đạt 57% dự toán Trung ương giao và đạt 54,2% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6,2% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 730 tỷ đồng, đạt 105,8% dự toán Trung ương giao, đạt 100,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,6% so với cùng kỳ.

(8) Thu phí và lệ phí: Thực hiện 65,8 tỷ đồng, đạt 60,9% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 26,2% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đang thực hiện cấp thẻ căn cước công dân toàn dân nên tăng lệ phí căn cước công dân.

Ước thực hiện cả năm 2021 là 108,5 tỷ đồng, đạt 100,4% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 13,6% so với cùng kỳ.

(9) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện là 52,3 tỷ đồng, đạt 186,8% dự toán Trung ương giao và đạt 98,9% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27,8% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 66 tỷ đồng, đạt 235,7% dự toán Trung ương giao, đạt 124,8% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 11,1% so với cùng kỳ.

(10) Thu xổ số kiến thiết: Ước thực hiện là 78,7 tỷ đồng, đạt 56,2% dự toán Trung ương giao và đạt 51,7% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27,9% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu tăng lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ nộp tăng 2 tỷ đồng so với cùng kỳ (lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 nộp 15,1 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 ước nộp 17,1 tỷ đồng) và thuế thu nhập doanh nghiệp nộp tăng 4 tỷ đồng so cùng kỳ.

Ước thực hiện cả năm 2021 là 152 tỷ đồng, đạt 108,6% dự toán Trung ương giao, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 39,9% so với cùng kỳ.

(11) Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế thực hiện: Thực hiện 6,8 tỷ đồng, đạt 67,6% dự toán Trung ương giao và đạt 56,3% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 67,6% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 12 tỷ đồng, đạt 120% dự toán Trung ương giao, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 10,2% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, còn một số khoản thu chưa đạt dự toán như (04/15 khoản):

(1) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 2,8 tỷ đồng, đạt 35,3% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 19,2% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 8 tỷ đồng, đạt 100% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, tăng 3,6% so với cùng kỳ.

(2) Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện là 499,2 tỷ đồng, đạt 49,9% dự toán Trung ương giao, đạt 41,6% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 24,1% so với cùng kỳ. Gồm: Cấp tỉnh 167,2 tỷ đồng đạt 30,4% dự toán HĐND tỉnh giao; cấp huyện, xã 332 tỷ đồng đạt 51,1% dự toán HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân số thu chưa đạt tiến độ do các dự án của tỉnh triển khai chưa kịp trong 6 tháng nên chưa đạt tiến độ dự toán.

Ước thực hiện cả năm 2021 là 1.250 tỷ đồng, đạt 125% dự toán Trung ương giao, đạt 104,2% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 53,9% so với cùng kỳ.

(3) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Thực hiện là 64,5 tỷ đồng, đạt 76,7% dự toán Trung ương giao và đạt 39,3% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng

41,3% so với cùng kỳ. Nguyên nhân tăng so với cùng kỳ năm trước: Thu nợ tiền thuê đất của năm 2020 chuyển sang: Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê nộp 6,3 tỷ đồng; Công ty Chè Biển Hồ nộp 1 tỷ đồng; Công ty cổ phần Chè Bầu Cạn nộp 0,9 tỷ đồng; Công ty Cao su Chư Prông ghi thu, ghi chi nộp 5,2 tỷ đồng; Công ty 715 nộp 1 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Tổng công ty 15 - Chi nhánh công ty 75 nộp 4 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV 74 nộp 2 tỷ đồng; phát sinh Công ty TNHH Trần Vũ nộp 1,3 tỷ đồng tiền thuê đất, nộp tiền 01 lần cho cả thời gian thuê.

Nguyên nhân chưa đảm bảo tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao: Dự kiến giao đất thu tiền thuê đất cho cả thời gian thuê của tỉnh triển khai chưa kịp theo tiến độ.

Ước thực hiện cả năm 2021 là 170 tỷ đồng, đạt 202,4% dự toán Trung ương giao, đạt 103,7% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14,9% so với cùng kỳ.

(4) Các khoản thu do cơ quan tài chính quản lý: Thực hiện là 81,2 tỷ đồng, đạt 56,8% dự toán Trung ương giao và đạt 37% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 11,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu thu phạt an toàn giao thông chưa đạt tiến độ.

Ước thực hiện cả năm 2021 là 219,8 tỷ đồng, đạt 153,7% dự toán Trung ương giao, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 11% so với cùng kỳ.

1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu do cơ quan hải quan quản lý thu.

Thực hiện là 872,2 tỷ đồng, gấp 71,5 lần dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, gấp gần 200 lần so với cùng kỳ.

Nguyên nhân thuế giá trị gia tăng do nhập thiết bị của các dự án điện gió trong 6 tháng đầu năm như: Công ty Cổ phần phong điện Ia Pét Đak Đoa Số Một; Công ty cổ phần Đầu tư phát triển điện gió Cao Nguyên; Công ty cổ phần phong điện Yang Trung; Công ty cổ phần phong điện Chơ Long;...

Ước thực hiện cả năm 2021 là 1.000 tỷ đồng, đạt gấp 81,9 lần dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, gấp 108,6 lần so với cùng kỳ.

1.3. Tình hình thực hiện thu ngân sách đến 30/6/2021 của các huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục 02 kèm theo*).

- Dự toán thu (kể cả tiền sử dụng đất): Có 16 huyện, thị xã và Văn phòng Cục thuế đạt và vượt dự toán đề ra, gồm: Thị xã Ayun Pa (88,4%); Văn phòng Cục thuế (87,6%); huyện Chư Păh (83%); huyện Ia Grai (80,3%); huyện KBang (79,8%); huyện Chư Puh (79,5%); huyện Chư Prông (76,4%); huyện Đức Cơ (72,1%); huyện Kong Chro (71,3%); huyện Phú Thiện (71%); huyện Đak Đoa (68,9%); huyện Krông Pa (59,7%); huyện Chư Sê (58,1%); thị xã An Khê (57,1%); huyện Ia Pa (56,5%); huyện Mang Yang (56%); huyện Đak Pơ (51%). Thành phố Pleiku chưa đạt tiến độ (43,5%).

- Dự toán thu (không kể tiền sử dụng đất): 17 huyện, thị xã, thành phố và Văn phòng Cục thuế đạt và vượt dự toán đề ra, cụ thể: Thị xã Ayun Pa (90,4%); Văn phòng Cục thuế (87,6%); huyện Chư Puh (81%); huyện Đức Cơ (77,8%); huyện Chư Sê (74%); huyện Chư Prông (72,4%); huyện Đak Đoa (70,6%); huyện Ia Grai (69,5%); huyện Krông Pa (67,3%); huyện KBang (67%); huyện Mang Yang (65,8%); huyện Phú Thiện (59,7%); huyện Kong Chro (59,4%); huyện Đak Pơ (56,9%); huyện IaPa (56,5%); thành phố Pleiku (56%); thị xã An Khê (54,5%); huyện Chư Păh (54,4%).

1.4. Tình hình nợ thuế: Tính đến thời điểm 30/6/2021, tổng nợ thuế toàn ngành 629,7 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ 504,6 tỷ đồng (44,5%), gồm: Xử lý khoanh nợ theo Nghị quyết số 94/QH14 là 300 tỷ đồng; xóa nợ theo Nghị quyết số 94/QH14 là 111 tỷ đồng (đã có Quyết định); thu tiền thuế nợ 93,6 tỷ đồng (gồm: Năm trước chuyển sang là 89 tỷ đồng, phát sinh là 4,6 tỷ đồng).

Chi tiết theo từng nhóm nợ: Nợ khó thu 173 tỷ đồng (các năm trước chuyển sang, đang thẩm định hồ sơ để khoanh nợ, xóa nợ theo Nghị quyết số 94/QH14, phần đầu đến ngày 31/12/2021 hoàn thành việc xử lý đối với người nộp thuế thuộc đối tượng có đầy đủ hồ sơ theo quy định); nợ chờ xử lý 154,7 tỷ đồng (đây là khoản nợ cơ quan thuế đang trình các cấp có thẩm quyền xử lý xóa nợ; nợ đang khiếu nại, khiếu kiện, sẽ hạch toán giảm nợ khi có Quyết định xử lý xóa nợ của các cấp có thẩm quyền; các quyết định xử lý khiếu nại, khiếu kiện); nợ có khả năng thu 302 tỷ đồng, phần đầu nợ đến 31/12/2021 đảm bảo đạt chỉ tiêu thu nợ Tổng cục Thuế giao.

2. Về chi ngân sách địa phương (*phụ lục 01 kèm theo*).

Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2021 thực hiện 5.049,7 tỷ đồng, bằng 41,6% dự toán Trung ương giao, đạt 40,1% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 18,1% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 12.905,6 tỷ đồng, đạt 106,4% dự toán Trung ương giao, đạt 102,5% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 3,5% so với cùng kỳ.

2.1. Các khoản chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: Thực hiện 626,9 tỷ đồng, bằng 31,1% dự toán Trung ương giao, đạt 28,1% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 52,1% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 2.284,8 tỷ đồng, đạt 113,3% dự toán Trung ương giao, đạt 102,5% dự toán HĐND tỉnh giao.

Một số nguyên nhân giải ngân chậm: Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng thay thế Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 và ban hành Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng thay thế Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 nên chủ đầu tư lúng túng trong thực hiện các thủ tục đầu tư công trình; nhất là việc lập, điều chỉnh dự toán công trình. Một số dự án thuộc kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và dự án thuộc nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020 mới được phân bổ vốn trong tháng 3/2021 nên chưa kịp giải ngân, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung của tỉnh.

Công tác quyết toán dự án hoàn thành: Đến ngày 01/6/2021, tổng số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán là 541 dự án (từ các năm trước chuyển sang 374 dự án; hoàn thành trong năm báo cáo 167 dự án); giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 1.064,4 tỷ đồng; giá trị quyết toán hoàn thành được phê duyệt 1.063,2 tỷ đồng. Dự án hoàn thành chưa thẩm tra, phê duyệt quyết toán 211 dự án, gồm: Dự án đang trong thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán 211 dự án; chậm thẩm tra: không có. Dự án hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán 553 dự án, gồm: Dự án trong thời hạn lập hồ sơ quyết toán 545 dự án; dự án chậm lập hồ sơ quyết toán dưới 24 tháng là 10 dự án, gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư 02 dự án; UBND thị xã Ayun Pa 03 dự án; UBND huyện Phú Thiện 03 dự án; UBND huyện Đức Cơ 01 dự án và UBND huyện Kbang 01 dự án.

2.2. Chi thường xuyên: Thực hiện 3.772,2 tỷ đồng, đạt 45,2% dự toán Trung ương giao và đạt 45,1% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 7,8% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 8.874,5 tỷ đồng, đạt 106,3% dự toán Trung ương giao, đạt 106,2% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,2% so với cùng kỳ.

Năm 2021, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cài cách tiền lương ngay từ khâu dự toán và giữ lại phần tiết kiệm ở các cấp ngân sách để bố trí thực hiện cài cách tiền lương, số tiền 222.494 triệu đồng (gồm: ngân sách cấp tỉnh là 105.956 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 116.538 triệu đồng).

2.3. Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: Thực hiện là 648,7 tỷ đồng, đạt 41,9% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 52,4% so với cùng kỳ. Ước thực hiện cả năm 2021 là 1.742,8 tỷ đồng, đạt 112,7% dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, giảm 29,2% so với cùng kỳ.

2.4. Việc bố trí nguồn vốn để phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19:

- Kinh phí thực hiện Nghị định 37/NĐ-CP ngày 29/3/2020, Nghị định số 16/NĐ-CP ngày 08/02/2021 và Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 09/02/2021: Tổng nhu cầu kinh phí 74.847 triệu đồng (trong đó, năm 2020 là 25.763,6 triệu đồng; năm 2021 là 49.083 triệu đồng). Kinh phí đã thực hiện chi qua Kho bạc Nhà nước theo quyết định của UBND tỉnh là 34.398 triệu đồng.

- Kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19 theo Nghị định số 42/NĐ-CP ngày 09/4/2020 và Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ là 304.327 triệu đồng cho 349.386 đối tượng; kinh phí đã thực hiện chi qua KBNN được quyết toán là 277.987 triệu đồng (trong đó, năm 2020 là 277.675 triệu đồng; năm 2021 là 312 triệu đồng cho 324.564 đối tượng của năm 2020).

- Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 với tổng nhu cầu kinh phí thực hiện là 59.364,2 triệu đồng¹ (cấp tỉnh 7.847,37 triệu đồng; cấp huyện 51.516,83 triệu đồng); gồm: Ngân sách Trung ương 24.391 triệu đồng; ngân sách tỉnh (nguồn dự phòng) 18.729 triệu đồng; ngân sách huyện, xã 16.244,2 triệu đồng (ngân sách cấp huyện 12.425,9 triệu đồng; ngân sách cấp xã 3.818,3 triệu đồng).

2.5. Tình hình triển khai thực hiện tiết kiệm thêm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP của Chính phủ:

Thực hiện theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ và Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021 của Bộ Tài chính, số kinh phí thực hiện cắt giảm tối thiểu 50% chi hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2021 của các cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh và các địa phương là 100.091 triệu đồng (ngân sách cấp tỉnh là 55.637 triệu đồng; ngân sách huyện, thị xã, thành phố 44.454 triệu đồng), gồm:

¹ Trong đó, Ủy ban Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Gia Lai phân bổ tại các quyết định: Quyết định số 20/QĐ-UBBC ngày 15/3/2021, số tiền 10.274,96 triệu đồng; Quyết định số 26/QĐ-UBBC ngày 16/4/2021, số tiền 10.275,84 triệu đồng và Quyết định số 42/QĐ-UBBC ngày 07/5/2021, số tiền 14.721,83 triệu đồng.

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương chi thường xuyên từ nguồn NSNN 98.869 triệu đồng (ngân sách cấp tỉnh là 55.072 triệu đồng; ngân sách huyện, thị xã, thành phố 43.797 triệu đồng). Số kinh phí cắt giảm 50% chi hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước; kinh phí 10% tiết kiệm thêm còn lại năm 2021 của các cơ quan, đơn vị dự toán được giữ lại tại Kho bạc nhà nước cùng cấp để quản lý, kiểm soát chi theo đúng quy định.

- Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương từ nguồn thu phí được đẻ lại, thu nghiệp vụ là 1.222 triệu đồng (ngân sách cấp tỉnh 565 triệu đồng; ngân sách huyện, thị xã, thành phố 657 triệu đồng). Đối với số kinh phí chi thường xuyên từ nguồn thu phí được đẻ lại, thu nghiệp vụ được đẻ lại: các cơ quan, đơn vị thực hiện nộp kinh phí tiết kiệm, cắt giảm vào ngân sách nhà nước chia làm 2 đợt trước ngày 30/9/2021 và trước ngày 31/12/2021, số kinh phí cắt giảm nộp vào thu ngân sách nhà nước.

2.6. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương đến 30/6/2021 của các huyện, thị xã, thành phố (*phụ lục 03 kèm theo*): Huyện Chư Păh (54,3%); huyện KBang (53,1%); huyện Chư Puh (51,9%); huyện Đak Đoa (51,6%); huyện Ia Grai (51,5%); thị xã AyunPa (46,9%); huyện Đak Pơ (46,6%); huyện Kong Chro (44,8%); huyện Đức Cơ (43,4%); huyện Chư Prông (42,9%); huyện Krông Pa (41,7%); huyện Phú Thiện (41%); huyện Mang Yang (40,6%); huyện Chư Sê (40,4%); huyện Ia Pa (40,2%); thị xã An Khê (40%); thành phố Pleiku (36%).

Danh giá chung:

Tỉnh đã triển khai thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch có hiệu quả vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quyết liệt trong công tác điều hành thực hiện dự toán thu, chi NSNN trên địa bàn như: Tập trung rà soát các vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi để hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án trọng điểm. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm, sản lượng phát điện của các công ty thủy điện tăng, phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài cung cấp, lắp ráp máy móc thiết bị, thuế giá trị gia tăng do nhập thiết bị và của các dự án điện gió. Kết quả thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2021 đạt cao so với tiến độ dự toán và tăng trưởng so cùng kỳ.

Về chi ngân sách: Nhìn chung, việc triển khai dự toán chi cơ bản đảm bảo tiến độ; công tác quản lý, điều hành chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đảm bảo được các nhiệm vụ chi theo dự toán HĐND tỉnh giao. Kinh phí thực hiện bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, chi phòng, chống đại dịch Covid-19 và một số nhiệm vụ phát sinh khác được đảm bảo. Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

II. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh đến ngày 15/6/2021:

Tổng nguồn dự phòng năm 2021 là 219.934 triệu đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh là 90.390 triệu đồng; ngân sách cấp huyện là 129.544 triệu đồng. Tổng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh được sử dụng năm 2021 là 102.360,021 triệu đồng (nguồn dự phòng bối trí đầu năm 2021 là 90.390 triệu đồng; bổ sung nguồn dự phòng từ nguồn chuyển nguồn năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 11.970,021 triệu đồng). Số đã chi đến ngày 15/6/2021: 102.360,021 triệu đồng

(chi tiết theo Phụ lục số 04 kèm theo). Trong đó, đã tạm cấp cho phần kinh phí trung ương đảm bảo theo quy định các đơn vị để thực hiện công tác phòng, chống Covid-19 là 27.867,146 triệu đồng. Sau khi trung ương bổ sung có mục tiêu để hoàn trả dự phòng ngân sách tinh, nguồn dự phòng ngân sách tinh còn lại là 27.867,146 triệu đồng (*phụ lục 4 kèm theo*).

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm 2021

1. Về thu NSNN trên địa bàn.

Trên cơ sở số thu ngân sách thực hiện 6 tháng đầu năm, để bảo đảm nhiệm vụ thu ngân sách cả năm 2021 đạt và vượt dự toán được HĐND tỉnh giao và bảo đảm tỷ lệ tăng thu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2025 từ 9% - 10% trở lên, ước thực hiện cả năm đạt từ 6.246 tỷ đồng trở lên, nhiệm vụ thu 6 tháng cuối năm phải thực hiện đạt tối thiểu từ 42,8% dự toán tỉnh giao trở lên, trong đó thu nội địa phải đạt 48,5% trở lên, một số giải pháp cần thực hiện như sau:

1.1. Ngành tài chính:

- Tích cực chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương có liên quan nghiên cứu, dự báo, phân tích, đánh giá nắm chắc nguồn thu để tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các kịch bản thu ngân sách đảm bảo kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong từng thời điểm cụ thể, đảm bảo nguồn tăng thu đều bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

- Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách; rà soát các nguồn thu để triển khai đồng bộ các giải pháp thu, chú trọng các nguồn thu mới phát sinh nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời. Phấn đấu tăng thu để đảm bảo cân đối chi chống dịch, cho các nhiệm vụ cần thiết khác.

- Phối hợp với các sở, ngành, UBND các cấp trong tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao đất, đấu giá đất có thu tiền đất nhằm khai thác hiệu quả nguồn thu này và hoàn thành dự toán đã được giao.

Cục Thuế tỉnh:

- Tăng cường theo dõi, kiểm soát việc kê khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định để kịp thời phát hiện các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế chống thất thu ngân sách. Phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm về thuế.

- + Tập trung kiểm tra, thu hồi nợ thuế nhất là các tổ chức, cá nhân nợ thuế có khả năng nhưng chây ì, không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; rà soát xử lý nợ thuế, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nợ thuế đối với tổ chức, cá nhân không còn khả năng nộp NSNN đúng quy định Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội theo lộ trình kế hoạch đã đề ra. Phấn đấu giảm tỷ lệ nợ thuế dưới 5% so tổng thu NSNN.

- + Thực hiện đôn đốc các tổ chức, cá nhân nộp kịp thời vào ngân sách các khoản phải thu sau kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước và thanh tra, kiểm tra thuế.

+ Tăng cường công tác quản lý thu đối với hộ kinh doanh; phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tuyên truyền, vận động, khuyến khích hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

+ Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ, chia sẻ với tổ chức, cá nhân nộp thuế, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh do bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh theo quy định.

1.2. Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Thực hiện nhiệm vụ tài chính, ngân sách nhà nước một cách chủ động, tích cực; xây dựng các giải pháp cụ thể để đẩy mạnh công tác thu ngân sách năm 2021, phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đề ra.

- Tiếp tục chủ động thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa phát triển kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh. Đồng thời, căn cứ diễn biến thực tế của dịch bệnh, chủ động phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng kịch bản thu NSNN trên địa bàn phù hợp để tham mưu UBND trong việc chỉ đạo, điều hành ngân sách địa phương.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Chính phủ về những giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô; có giải pháp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính kịp thời tháo gỡ khó khăn, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tạo chuyển biến, thực hiện đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh cải cách hành chính; tập trung nghiên cứu và thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, góp phần tăng thu NSNN trên địa bàn.

- Xử lý các khoản phải nộp vào NSNN như: Tiền xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định của các cơ quan chức năng như: xử lý bán tài sản, hàng hóa tịch thu, thu phạt vi phạm gian lận thương mại, phạt vi phạm hàng giả,...kịp thời, đúng quy định.

2. Về công tác quản lý chi ngân sách địa phương.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư phát triển; đổi mới các công trình, dự án bố trí từ nguồn sử dụng đất thực hiện giải ngân theo tiến độ; đôn đốc quyết toán dự án hoàn thành.

- Thực hiện quản lý các khoản chi đúng chế độ, định mức quy định, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách. Thực hiện nghiêm Chương trình Thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2021 của tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quyết toán, và kiểm tra, xét duyệt và thẩm tra quyết toán và tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 theo đúng quy định của Luật NSNN. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020.

- Kho bạc Nhà nước tăng cường trách nhiệm trong công tác kiểm soát chi thanh toán đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản về kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2021, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị Đại biểu HĐND tỉnh khóa XII;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Tài chính;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Tiến Đông

BÁO CÁO
THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021
Số liệu có đến ngày 30/6/2021

HÀ NỘI

Số: 14

ĐVT: Triệu đồng

	Dự toán BTC giao	Dự toán HĐND tỉnh giao	Thực hiện tháng 6/2020	Lũy kế thực hiện đến tháng 6/2020	Thực hiện tháng 6/2021	Lũy kế thực hiện hạn cá năm 2021	(%) thực hiện 6 tháng		(%) trước thực hiện cả năm 2021		
							So với dự toán BTC giao	Số cùng kỳ năm trước	So với dự toán BTC giao	Số cùng kỳ năm trước	
A. Tổng các khoản thu cần đối NSNN	4.552.300	5.047.000	297.646	2.050.446	4.552.386	769.554	3.571.332	6.246.000	78,5%	70,8%	174,2%
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	4.540.100	5.034.800	296.946	2.046.083	4.573.181	408.084	2.699.083	5.246.000	59,4%	53,6%	131,9%
<i>Thu riêng loại tiền tệ, tiền xu, đồng xu, thu xô số tiền hiết, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại</i>	3.400.100	3.632.800	227.241	1.582.194	3.652.339	286.411	2.121.229	3.844.000	62,4%	57,6%	134,1%
I. Cục thuế quản lý thu	4.397.100	4.815.000	286.546	1.972.938	4.375.177	392.305	2.617.853	5.056.200	59,5%	54,4%	133,7%
1.1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương	745.000	750.000	30.938	276.730	751.155	60.804	400.146	775.000	53,7%	53,4%	144,6%
1.2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	43.000	43.000	2.430	24.744	44.963	3.061	27.393	46.000	63,7%	63,7%	110,7%
1.3. Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	31.000	31.000	263	20.419	39.967	9.789	69.631	78.990	224,6%	224,6%	341,0%
1.4. Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh	1.070.000	1.085.000	43.926	431.756	1.056.055	64.087	647.184	1.125.000	60,5%	59,6%	149,9%
1.5. Lệ phí trước bạ	200.000	233.000	16.359	89.261	205.811	23.284	129.364	233.000	64,7%	55,5%	144,9%
1.6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			146	390	937	65	319	800		81,8%	
1.7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			8.000	8.000	1.629	3.490	7.721	987	2.821	8.000	35,3%
1.8. Thuế thu nhập cá nhân	240.000	250.000	17.573	148.827	262.724	20.972	179.571	270.000	74,8%	71,8%	120,7%
1.9. Thuế Bảo vệ môi trường	650.000	726.000	70.433	370.481	704.328	66.361	393.335	730.000	57,0%	54,2%	106,2%
1.10. Thu phí và lệ phí	108.100	108.100	6.971	52.115	95.469	10.380	65.193	108.500	60,9%	60,9%	126,2%
1.11. Tiền sử dụng đất	1.000.000	1.200.000	60.972	402.368	812.197	114.277	499.199	1.250.000	49,9%	41,6%	124,1%
1.12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mảnh nước	84.000	164.000	22.076	45.609	199.794	8.100	64.458	170.000	76,7%	39,3%	141,3%
1.13. Thu tiền bán và cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-	259	259	10	909	910		351,5%	
1.14. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	28.000	52.900	3.221	40.936	74.262	1.311	52.318	66.000	186,8%	98,9%	127,8%
1.15. Thu cát và lợt nhuận còn lại, tiền bán bột phân vón của NN			-	-	-	-	-	-			235,7%
1.16. Thu Xô số kiến thiết	140.000	152.000	8.733	61.522	108.645	7.397	78.656	152.000	56,2%	51,7%	127,9%
1.17. Thu phạt VPHC do cơ quan thuế thực hiện	10.000	12.000	877	4.033	10.890	1.419	6.757	12.000	67,6%	56,3%	167,6%
2. Các khoản thu khác do cơ quan tài chính quản lý	143.000	219.800	10.399	73.145	198.004	15.780	81.230	219.800	56,8%	37,0%	111,1%
2.1. Thu từ quý đất công ích và thu lợi công sản khác	3.000	3.000	226	1.235	2.905	401	1.565	3.000	52,2%	52,2%	126,7%
2.2. Thu phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	45.000	72.000	5.024	25.443	49.391	3.129	23.996	67.000	53,3%	33,3%	94,3%
2.3. Thu biện pháp tài chính khác	95.000	144.800	5.149	46.467	145.708	12.249	55.669	149.800	58,6%	38,4%	119,8%
II. Thuế XNK, TTDB, VAT hàng nhập khẩu	12.200	12.200	700	4.363	9.204	361.470	872.248	1.000.000	7149,6%	7149,6%	19991,7%
Hải quan thu											8196,7%
B. Chi ngân sách địa phương											8196,7%
1. Chi đầu tư phát triển	2.017.410	2.229.410	794.748	1.307.823	2.313.165	104.476	626.900	2.284.770	41,6%	40,1%	106,4%
2. Chi thường xuyên	8.346.671	8.358.554	146.434	3.498.354	8.602.011	438.774	3.772.200	8.874.512	31,1%	28,1%	47,9%
3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ Tài chính	1.400	1.400									113,3%
4. Chi thực hiện chính sách cải cách tiền lương	204.384	204.384									102,5%
5. Chi trả nợ lãi vay	210.561	210.561	21.934								98,3%
6. Chi trả nợ gốc năm 2020 từ nguồn kết dư	21.100	21.100	19	52	121						103,2%
7. Chi trả nợ gốc năm 2020 từ nguồn kết dư	31.000	31.000									1730,7%
8. Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu nhiệm vụ	1.546.732	1.546.732	156.804	1.361.675	2.461.170	216.304	648.736	1.742.837	41,9%	41,9%	47,6%

THỦC HIỆN DỰ TOÁN THU NSNN ĐẾN NGÀY 30/06/2021 CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Số Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2021					Thực hiện đến ngày 30/06/2021					% Thực hiện so với dự toán							
	Dự toán		Gross		Tổng thu	Tổng thu		Gross		% so với	% so với		Thực hiện		Thực hiện			
	Dự toán giao (kể cả tiền sử dụng đất)	Dự toán giao (không kể tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại	NSNN (kể cả tiền sử dụng đất)	Biện pháp tài chính	Thuế	Thu tiền sử dụng đất	Các khoản thuế còn lại	năm (kể cả tiền sử dụng đất)	tín dụng	Biện pháp tài chính	Thuế	Thu (kể cả tiền sử dụng đất)	Thu (không kể tiền sử dụng đất)	
A	B	1=2+3	1a = 2+5	2	3+4+5	4	5	6 = 7+8	6a = 7+10	7	8+9+10	9	10	11=6/1	11a=6a/1a	12=7/2	13 = 8/3	14=1/05
1 Chu Sê	101.860	51.860	4.820	97.040	50.000	47.040	59.191	38.399	4.010	55.181	20.792	34.339	58,0%	74,0%	83,2%	56,9%	73,1%	
2 Chư Păh	39.290	27.290	3.110	36.180	12.000	24.180	32.603	14.841	2.484	30.119	17.763	12.356	83,0%	54,4%	79,9%	83,2%	51,1%	
3 Phù Thiện	29.670	24.670	3.190	26.480	5.000	21.077	19.343	6.344	12.999	71.0%	59,7%	54,4%	73,0%	60,5%				
4 Ia Grai	63.250	48.250	5.150	58.100	15.000	43.100	50.767	33.538	1.665	49.102	17.229	31.873	80,3%	69,3%	32,3%	84,5%	74,0%	
5 Mang Yang	27.750	19.750	2.480	25.250	8.000	17.250	15.518	12.988	1.412	14.107	2.531	11.576	56,0%	65,8%	56,9%	55,9%	67,1%	
6 K'Bang	42.030	35.030	3.500	38.530	7.000	31.530	33.558	23.475	2.264	31.294	10.083	21.211	79,8%	67,0%	64,7%	81,2%	67,3%	
7 An Khê	94.860	64.860	5.610	89.250	30.000	59.250	54.177	35.327	3.623	50.554	18.849	31.704	57,1%	54,5%	64,6%	56,6%	53,5%	
8 Krông Pa	35.170	27.970	4.260	30.910	10.200	20.710	20.994	16.779	3.144	17.850	4.195	13.655	59,7%	67,3%	73,8%	57,7%	65,9%	
9 IaPa	16.780	14.780	2.350	14.430	2.000	12.430	9.473	8.346	1.095	8.377	1.127	7.250	56,5%	56,5%	46,6%	58,1%	58,3%	
10 Đăk Pơ	27.760	19.760	3.160	24.600	8.000	16.600	14.161	11.242	764	13.397	2.919	10.478	51,0%	56,9%	24,2%	54,5%	63,1%	
11 Đăk C’or	45.940	35.940	3.960	41.980	10.000	31.980	33.142	27.945	2.324	30.819	5.197	25.622	72,1%	77,8%	58,7%	73,4%	80,1%	
12 Đăk Đoa	46.750	36.750	4.200	42.550	10.000	32.550	25.956	2.061	30.146	6.250	23.896	68,9%	70,4%	49,1%	70,8%	73,4%		
13 AymPa	81.440	73.940	3.710	77.730	7.500	70.230	71.987	66.830	4.088	67.899	5.157	62.741	88,4%	90,4%	110,2%	87,4%	89,3%	
14 Chư Prông	58.220	48.220	3.990	54.230	10.000	44.230	44.455	34.910	1.301	43.154	9.545	33.610	76,4%	72,4%	32,6%	79,6%	76,0%	
15 Chư Păh	28.540	18.540	3.570	24.970	10.000	14.970	22.704	15.011	2.714	19.989	7.692	12.297	79,5%	81,0%	76,0%	80,1%	82,1%	
16 Pleiku	1.617.960	616.160	14.420	1.603.540	1.001.800	601.740	703.462	344.806	20.802	682.660	358.656	324.004	43,5%	56,0%	144,3%	42,6%	53,8%	
17 Kông Chro	23.470	19.970	3.240	20.230	3.500	16.730	11.865	14.711	4.869	9.842	71.3%	59,4%	62,4%	72,7%	58,8%			
18 Văn phòng Cục	2.666.280	2.666.280	145.080	2.521.200	2.335.122	2.335.122	28.091	2.307.031	-	2.307.031	28.091	2.307.031	87,6%	87,6%	91,5%	91,5%		
Tổng	XNK	12.200	12.200			12.200	872.248	872.248		872.248	872.248	7149,6%						
Tổng	công	5.047.000	3.847.000			219.800	4.827.200	1.200.000	3.627.200	3.072.134	85.602	3.495.731	2.986.532					

TỈNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
ĐẾN NGÀY 30/06/2021

(Làm ngày 30/06/2021)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán UBND tỉnh giao năm 2021				Thực hiện đến ngày 30/06/2021						% Thực hiện(Dự toán)				
		Gồm		Trong đó		Dự phòng ngân sách		Gồm		Trong đó						
		Tổng chi NS huyện - xã	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	SN GD - ĐT và DN (2)	SN KHCN	SNMT	Chi đầu tư xuyên	SN GD - ĐT và DN (2)	SN KHCN	SNMT	Các nhiệm vụ chi khác				
A	B	I=2+3+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10+14+	9	10	11	12	13	14	15=8/1
1	Chư Sê	532.561	80.583	442.172	256.299	410	7.034	9.806	215.156	19.996	195.161	104.644	-	4.136	-	40,4%
2	Chư Păh	376.569	35.139	334.562	167.942	350	4.230	6.868	204.427	33.621	170.806	83.245	-	1.119	-	54,3%
3	Phú Thiện	341.482	24.695	310.669	160.443	350	3.892	6.118	139.953	775	139.178	76.444	-	1.454	-	41,0%
4	Ia Grai	415.541	39.763	368.025	205.664	350	4.730	7.753	214.018	23.881	188.080	100.040	-	477	2.057	51,5%
5	Mang Yang	341.433	30.088	305.322	157.518	350	3.310	6.023	138.559	8.382	129.157	71.415	-	469	1.000	40,6%
6	K'Bang	391.476	30.226	354.119	189.830	350	4.302	7.131	207.915	48.830	159.084	85.597	-	1.009	-	53,1%
7	An Khê	318.723	53.074	259.643	127.213	410	5.437	6.006	127.369	4.257	123.112	58.334	-	1.231	-	40,0%
8	Krông Pa	436.039	36.611	391.598	215.675	350	4.607	7.830	181.709	6.822	174.887	94.985	-	957	-	41,7%
9	IaPa	299.741	23.596	270.804	129.799	350	3.174	5.341	120.490	7.584	112.906	58.286	271	490	-	40,2%
10	Đăk Pơ	223.155	24.237	194.763	95.704	350	2.539	4.155	104.025	16.616	87.409	40.876	-	475	-	46,6%
11	Đăk Cơ	373.792	31.354	335.639	185.033	350	4.212	6.799	162.315	2.755	159.559	91.931	-	1.202	0,2	43,4%
12	Đăk Đoa	445.879	35.117	402.681	211.784	350	4.747	8.081	230.000	30.799	199.200	102.709	41	488	-	51,6%
13	AyunPa	230.741	30.577	195.828	90.614	410	4.902	4.336	108.244	7.557	100.687	40.152	-	2.423	-	46,9%
14	Chư Prông	497.616	38.369	449.871	247.892	350	5.261	9.376	213.363	11.191	202.172	109.426	70	1.798	-	42,9%
15	Chư Püh	322.674	29.453	287.437	157.473	350	3.750	5.784	167.618	31.677	134.941	66.887	-	2.844	1.000	51,9%
16	Pleiku	1.195.074	506.168	666.580	334.009	510	15.439	22.326	430.271	89.885	340.387	164.244	-	27.135	-	36,0%
17	K'Gông Chro	320.588	28.950	283.828	148.023	350	3.222	5.810	143.477	6.182	137.295	67.932	-	-	-	44,8%
Tổng cộng		7.063.084	1.078.000	5.855.541	3.080.915	6.290	84.838	129.543	3.108.889	350.810	2.754.022	1.417.140	382	47.706	4.057	

Ghi chú:

- (1) Chi thường xuyên (kè cả bù sung có mục tiêu) đã bao gồm nguồn dự phòng ngân sách
- (2) Chi Suy nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề (kè cả bù sung có mục tiêu)

CHI TIẾT SỬ NGUỒN DỰ PHÒNG ĐẾN 15/6/2021

STT	Quyết định chi				
	Số QĐ	Ngày QĐ	Trích yếu	Đơn vị	Số tiền
			Tổng cộng		102.360.021.000
1	31/TB-STC	18/01/2021	Tạm cấp kinh phí thực hiện Nghị quyết 42/NQ-CP đợt 5	Huyện Chư Sê và Ia Pa	89.700.000
2	25/QĐ-UBND	22/01/2021	Thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	782.180.000
3	35/QĐ-UBND	23/01/2021	Hỗ trợ kinh phí xây dựng các dự thảo Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	86.710.000
4				Sở Kế hoạch và Đầu tư	60.000.000
5				Ban Dân tộc	35.000.000
6	56/QĐ-UBND	31/01/2021	Tạm cấp kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021 (lần 1)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	5.000.000.000
7				Sở Y tế	25.000.000.000
8	73/QĐ-UBND	05/02/2021	Tạm cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý và bảo vệ rừng năm 2021	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia Pa	936.800.000
9				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lơ Ku	403.800.000
10				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kong Hde	1.084.500.000
11				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kong Chro	1.138.600.000
12				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai	523.700.000
13				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nak	561.800.000
14				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trạm Lập	764.800.000
15				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nùng	593.500.000
16				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kong Chiêng	942.200.000
17				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Rong	1.070.900.000
18				Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kong Pa	516.400.000
19	80/QĐ-UBND	08/02/2021	Tạm cấp kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid -19 năm 2021 (lần 2)	Sở Y tế	15.879.000.000

20	106/QĐ-UBND	25/02/2021	Tạm cấp KP để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trong vụ Đông Xuân 2019-2020 trên địa bàn tỉnh (phần NS tinh)	Các huyện, thị xã, thành phố	2.406.580.000
21			Tạm cấp KP để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trong vụ Đông Xuân 2019-2020 trên địa bàn tỉnh (phần NS TW chưa cấp)	Các huyện, thị xã, thành phố	3.612.920.000
22	157/QĐ-UBND	15/03/2021	KP tổ chức Đoàn Đại biểu đi dự Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam lần thứ XI	Hội nhà báo	25.400.000
23	160/QĐ-UBND	17/03/2021	KP thực hiện duy tu, sửa chữa, khắc phục một số hạng mục tại Khu di tích lịch sử cấp tỉnh (Khu 10-xã Krong)	UBND huyện Kbang	720.000.000
24	193/QĐ-UBND	30/03/2021	KP tổ chức Đoàn tham dự Hội nghị biếu dương người khuyết tật, trẻ mồ côi và người bảo trợ tiêu biểu toàn quốc lần thứ VI năm 2021	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh	28.000.000
25	201/QĐ-UBND	01/04/2021	Phục vụ công tác khảo sát, thu thập thông tin, thẩm định và đề xuất giá đất san lấp trong công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	80.000.000
26	228/QĐ-UBND	14/04/2021	Kinh phí in ấn, phát hành Lịch sử Ngành Tài chính tỉnh Gia Lai (1945-2020)	Sở Tài chính	99.000.000
27	226/QĐ-UBND	14/04/2021	Thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản năm 2021	Sở Nông nghiệp và PTNT	123.000.000
28	250/QĐ-UBND	23/04/2021	Mua trang thiết bị phòng họp	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh	106.800.000
29	253/QĐ-UBND	23/04/2021	Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất năm 2021	Sở Công Thương	1.876.539.000
30	270/QĐ-UBND	06/05/2021	Thực hiện phòng, chống dịch bệnh bạch hầu trên địa bàn tỉnh năm 2021	Sở Y tế	7.397.000.000
31	42/QĐ-UBBC	07/08/2021	Phân bổ kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026 tỉnh Gia Lai (đợt 3) từ nguồn Dự phòng ngân sách tỉnh năm 2021	Các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị dự toán cấp tỉnh	18.729.000.000
32	298/QĐ-UBND	15/05/2021	Bố trí vốn đối ứng thực hiện tiếp nhận khoản viện trợ phí dự án do tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tài trợ	Hội Bảo trợ người khuyết tật và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh	33.200.000
33	299/QĐ-UBND	15/05/2021	Tạm cấp cho Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống Covid -19 năm 2021	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	1.700.000.000
34	300/QĐ-UBND	18/05/2021	Thực hiện sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	100.000.000
35	304/QĐ-UBND	20/05/2021	Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống dịch Covid-19 năm 2021	Công an tỉnh	154.200.000

36	305/QĐ-UBND	20/05/2021	Kinh phí đăng ký trước bạ và sửa xe ô tô Lexus phục vụ công tác	Sở VH,TT và Du lịch	191.000.000
37	312/QĐ-UBND	21/05/2021	KP đặt mua tài liệu tuyên truyền về công tác phòng chống tham nhũng theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân	Thanh tra tỉnh	87.900.000
38	353/QĐ-UBND	10/06/2021	Thực hiện tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của Đài Tiếng nói Việt Nam năm 2021	Sở Thông tin và Truyền thông	208.600.000
39				Tỉnh đoàn	140.000.000
40				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	23.000.000
41				Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	80.000.000
42				Sở Công Thương	50.000.000
43	359/QĐ-UBND	11/06/2021	Mua vắc xin tiêm phòng bệnh viêm da nốt cục ở đàn trâu, bò trên địa bàn tỉnh năm 2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.405.292.000
44	360/QĐ-UBND	11/06/2021	Mua vắc xin tiêm phòng bệnh lở mồm long móng cho đàn trâu, bò trên địa bàn tỉnh năm 2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7.513.000.000